

Số: 232 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là "Ngân hàng") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2007 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2009
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B02/TCTD

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	153.953.546.683	24.806.541.852
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	64.396.747.146	239.142.004.797
III	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	1.931.611.833.143	1.090.474.675.641
1	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		1.931.611.833.143	1.090.474.675.641
IV	Chứng khoán kinh doanh		145.567.000.000	50.018.860.101
1	Chứng khoán kinh doanh		146.877.850.000	50.018.860.101
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.310.850.000)	-
V	Cho vay khách hàng		2.347.554.848.677	1.913.681.838.577
1	Cho vay khách hàng	7	2.365.281.759.643	1.917.569.241.960
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(17.726.910.966)	(3.887.403.383)
VI	Chứng khoán đầu tư	9	1.014.662.458.417	779.115.357.921
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.029.594.682.640	779.115.357.921
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(14.932.224.223)	-
VII	Đầu tư dài hạn	10	77.429.271.695	40.800.000.000
1	Đầu tư dài hạn khác		84.479.271.695	40.800.000.000
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(7.050.000.000)	-
VIII	Tài sản cố định		62.404.113.235	30.181.491.257
1	Tài sản cố định hữu hình	11	48.576.894.808	25.530.290.972
a	Nguyên giá		57.566.958.678	27.598.673.385
b	Khấu hao lũy kế		(8.990.063.870)	(2.068.382.413)
2	Tài sản cố định vô hình	12	13.827.218.427	4.651.200.285
a	Nguyên giá		15.002.907.306	4.653.699.970
b	Hao mòn lũy kế		(1.175.688.879)	(2.499.685)
IX	Tài sản Có khác		386.619.106.007	513.034.462.415
1	Các khoản phải thu	13	307.267.518.370	320.665.379.867
2	Các khoản lãi, phí phải thu		63.342.178.721	40.293.176.533
3	Tài sản Có khác	13	16.009.408.916	152.075.906.015
TỔNG TÀI SẢN CÓ			6.184.198.925.003	4.681.255.232.561

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B02/TCTD

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008		31/12/2007	
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU					
I	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14	2.684.518.256.255		2.768.096.980.000	
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		2.684.518.256.255		2.768.096.980.000	
II	Tiền gửi của khách hàng	15	2.199.038.932.980		1.311.882.005.505	
III	Phát hành giấy tờ có giá	16	167.579.483.282		-	
IV	Các khoản Nợ khác		107.135.304.741		57.891.650.951	
1	Các khoản lãi, phí phải trả		54.970.774.320		36.393.794.566	
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	17	52.012.509.858		21.439.807.563	
3	Dự phòng rủi ro khác	17	152.020.563		58.048.822	
	Tổng Nợ phải trả		5.158.271.977.258		4.137.870.636.456	
V	Vốn và các quỹ		1.025.926.947.745		543.384.596.105	
1	Vốn của tổ chức tín dụng	18	1.000.000.000.000		500.000.000.000	
a	Vốn điều lệ		1.000.000.000.000		500.000.000.000	
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	19	10.390.451.034		2.427.068.708	
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-		4.086.571	
4	Lợi nhuận chưa phân phối		15.536.496.711		40.953.440.826	
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.184.198.925.003		4.681.255.232.561	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2008	31/12/2007
I	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
1	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	48.629.497.063	-
2	Bảo lãnh khác	12.421.416.151	20.485.607.386
II	Các cam kết đưa ra		
1	Cam kết tài trợ cho khách hàng	10.026.017.230	-
2	Cam kết khác	170.262.095.489	-

Nguyễn Văn Hào
 Giám đốc Tài chính



Ngày 14 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

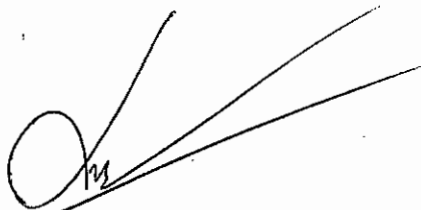
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B03/TCTD

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2008	2007
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	20	563.570.560.628	171.430.193.537
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự lãi	21	425.043.885.857	98.380.252.397
I	Thu nhập lãi thuần		138.526.674.771	73.049.941.140
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		16.072.468.867	1.839.644.779
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		9.634.771.705	1.513.998.576
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	22	6.437.697.162	325.646.203
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	23	69.731.521.889	10.227.224.051
IV	Lãi lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		1.337.430.834	-
V	Lãi lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	24	(9.243.267.201)	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác		2.202.168.441	1.039.224.078
6	Chi phí hoạt động khác		74.176.287	296.577.361
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		2.127.992.154	742.646.717
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		741.298.862	-
VIII	Chi phí hoạt động	25	102.001.838.223	23.663.840.332
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		107.657.510.248	60.681.617.779
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		16.043.755.760	3.747.542.918
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		91.613.754.488	56.934.074.861
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	26.077.257.777	16.013.741.953
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		26.077.257.777	16.013.741.953
XIII	Lợi nhuận sau thuế		65.536.496.711	40.920.332.908



Nguyễn Văn Hảo
Giám đốc Tài chính



Ngày 14 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B04/TCTD
 Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2007
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	91.613.754.488	56.934.074.861
	Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định	8.094.870.651	1.522.213.971
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá đầu tư tăng thêm trong năm.	37.226.553.547	2.865.667.463
04	Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	256.578.804
05	Lãi/cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ hợp đồng đầu tư, góp vốn dài hạn	(741.298.862)	-
06	Các điều chỉnh khác	(4.086.571)	802.238
	<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
07	(Tăng) tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(22.098.000.000)	(200.000.000.000)
08	(Tăng) các khoản về chứng khoán kinh doanh	(347.338.314.618)	(583.797.518.022)
09	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(447.712.517.683)	(1.115.788.065.024)
10	(Tăng) lãi và phí phải thu	(23.049.002.188)	(24.259.196.287)
11	Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động	149.464.358.596	(469.603.440.327)
	<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
12	(Giảm) các khoản Nợ chính phủ và NHNN	-	(14.000.000.000)
13	(Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác	(83.578.723.745)	2.290.096.980.000
14	Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	887.156.927.475	917.800.703.806
15	(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	(60.000.000.000)
16	Tăng giấy tờ có giá, ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính	167.579.483.282	-
17	Tăng lãi, phí phải trả	18.576.979.754	28.579.976.319
18	Giảm khác về công nợ hoạt động	(871.488.530)	(1.931.670.103)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	434.319.495.596	828.677.107.699
19	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(21.513.741.952)	(11.899.227.541)
20	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	9.941.500	(631.244.643)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	412.815.695.144	816.146.635.515

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B04/TCTD

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2007
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm, tài sản cố định	(40,317,492,629)	(26,581,926,288)
02	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(43,679,271,695)	(40,800,000,000)
03	Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	741,298,862	-
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(83,255,465,462)	(67,381,926,288)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn	500,000,000,000	300,000,000,000
02	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(56,119,325,000)	(10,000,000,000)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	443,880,675,000	290,000,000,000
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	773,440,904,682	1,038,764,709,227
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu	1,154,423,222,290	115,658,513,063
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (*)	1,927,864,126,972	1,154,423,222,290

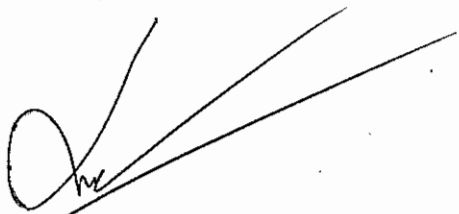
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm 2008 Ngân hàng tạm chia cổ tức với số tiền là 50 tỷ đồng, số chưa trả cho các cổ đông là 26.880.675.000 đồng được điều chỉnh trên phần giảm khác về công nợ hoạt động.

(*) Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt và tương đương tiền tại quỹ	153.953.546.683	24.806.541.852
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	64.396.747.146	239.142.004.797
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác (**)	1.709.513.833.143	890.474.675.641
	1.927.864.126.972	1.154.423.222.290

(**) Bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND và Ngoại tệ.



Nguyễn Văn Hảo
Giám đốc Tài chính



Ngày 14 tháng 3 năm 2009